**Đáp án các câu hỏi và bài tập hỗ trợ học sinh học trực tuyến môn Ngữ văn**

**Bài *Tràng giang* của nhà thơ Huy Cận**

 **Câu 1: Từ ngữ nào sau đây đánh giá đúng về phong cách thơ của Huy Cận giai đoạn trước Cách mạng Tháng tám 1945?**

Đáp án c. Ảo não

 **Câu 2: Bài thơ *Tràng giang* nằm trong tập thơ nào của Huy Cận?**

Đáp án d. *Lửa thiêng.*

 **Câu 3. Nêu hoàn cảnh ra đời, cảm hứng chủ đạo và cấu tứ bài thơ *Tràng giang* của Huy Cận.**

 - Hoàn cảnh ra đời của bài thơ

 *Tràng giang* là bài thơ được sông Hồng gợi tứ. “Một buổi chiều mùa thu năm 1939, khi đứng ở bờ nam bến Chèm nhìn ngắm cảnh sông Hông mênh mông sóng nước, bốn bề bao la vắng lặng, nghĩ về kiếp người trôi nổi  tứ thơ Tràng giang đã được hình thành” (Huy Cận). Bài thơ được in trong tập *Lửa thiêng.*

 - Cảm hứng chủ đạo của bài thơ

 Đứng trước không gian mênh mông của đất trời, trong sâu thẳm lòng người trào dâng nỗi bâng khuâng trước cảnh sông dài trời rộng. Cảm hứng chủ đạo này được nhà thơ thâu tóm trong nhan đề *“Tràng giang”* và câu đề từ *“Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài”*

 - Cấu tứ của bài thơ

 Toàn bộ bài *Tràng giang* là một nỗi buồn. Bài thơ gồm bốn khố thơ giống như bốn bài tứ tuyệt Đường thi, mỗi khổ thơ là một sự triển khai của nỗi buồn đó. Mặc dù trong mỗi khổ thơ, cảnh vật và tâm trạng con người được thể hiện khác nhau ở mức độ nào đó nhưng đều có điểm chung hệ thống trong một chỉnh thể là cảnh sóng nước mênh mang bao la và con người với cái tôi  nhỏ bé, mang  tâm trạng cô đơn, buồn sầu.

 **Câu 4: Phân tích ý nghĩa nhan đề bài thơ *Tràng giang* của Huy Cận?**

 **- Nhan đề “Tràng giang”** là một từ Hán Việt có nghĩa là sông dài, nó còn một âm đọc nữa là “trường giang”. Cách gọi theo từ Hán Việt này gợi sắc thái cổ kính, trang nhã, phù hợp với phong cách thơ giàu tính cổ điển của Huy Cận.

 - Hai chữ này thường gặp trong thơ Đường nên còn gợi cho người đọc những trường liên tưởng văn hóa phong phú. Con sông như thể có từ xa xưa, từ một thời hồng hoang nào đó. Đó là con sông muôn thủa, vĩnh hằng, dường như nó dài rộng hơn, bát ngát, nên thơ hơn.

 - Mặt khác, Huy Cận là nhà thơ của cảm thức không gian nên ông thường tìm đến những miền không gian khác nhau như cồn, bến, dòng sông…để biểu hiện cảm xúc, tâm trạng của mình.

 → Đặt tên bài thơ là “*Tràng giang”* rất phù hợp với phong cách thơ Huy Cận, nhà thơ của nỗi sầu nhân thế. Bởi chỉ có những không gian như “*Tràng giang”* mới chứa hết được nỗi *“sầu vạn kỷ*” trong tâm hồn ảo não của Huy Cận.

 **Câu 5: Câu thơ đề từ *" Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài"* chuyển tải nội dung gì?**

 **- Lời đề từ của bài *“Tràng giang”*** được trích từ một bài thơ khác của Huy Cận là *“Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài”.* Nó hé lộ cho người đọc thấy một nét quen thuộc trong thơ ông. *Sông dài, trời rộng* là những hình ảnh gợi không gian bao la, rợn ngợp, một dòng sông dài rộng mênh mông rộng lớn gắn với cảm thức không gian trong thơ Huy Cận.

 - Câu đề từ cũng thâu tóm được cả tình và cảnh trong bài thơ. Tình là bâng khuâng, thương nhớ, cảnh là trời rộng sông dài. Đó là một không gian chứa đầy tâm trạng buồn thương, ảo não của một cái tôi thơ Mới.

 - Câu đề từ cũng tạo được âm hưởng chung cho cả bài thơ, đó là âm điệu buồn bã, trống vắng trước một không gian vô cùng, vô tận.

 **Câu 6: Nhận xét cách sử dụng từ láy trong bài thơ *Tràng giang* của Huy Cận?**

 - Mật độ từ láy xuất hiện cao (9 lần trong 16 dòng thơ), có dòng sử dụng hai từ láy: *Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu.*

 - Các từ láy mang lại cảm giác êm dịu, gợi hình, gợi cảm cho bài thơ. Đặc biệt góp phần hữu hiệu trong việc thể hiện sự quạnh vắng, nỗi cô đơn, buồn da diết của thi nhân trước đất trời (*điệp điệp, song song, chót vót, mênh mông, lặng lẽ, lớp lớp, dợn dợn, đìu hiu,...)*

 **Câu 7. Sự sáng tạo của Huy Cận qua hai câu cuối?**

- Hai câu này là sự sáng tạo tuyệt vời của Huy Cận dựa trên hai câu thơ của Thôi Hiệu: *Quê hương khuất bóng hoàng hôn- Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai?*. Nhưng ở đây, Huy Cận không cần *" khói sóng"* để gợi nhớ mà vẫn da diết, cháy bỏng nỗi nhớ nhà vì nỗi nhớ ấy luôn thường trực hiện hữu trong lòng ông.

- Thi liệu của thơ Đường được vận dụng một cách mới mẻ => tinh thần của thơ mới.

 **Câu 8: Cảm nhận Bức tranh thiên nhiên và bức tranh tâm trạng trong bài thơ *Tràng giang***

 I. Mở bài

 - Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

 + Xuất hiện vào giai đoạn toàn thịnh của thơ Mới, Huy Cận (1919 – 2005), quê ở Hương Sơn – Hà Tĩnh, là một trong những thi sĩ có công đưa phong trào này lên tới đỉnh cao. Ở độ chín nhất, phong cách thơ Huy Cận có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa yếu tố cổ điển nhất là cổ điển Đường thi với yếu tố thơ Mới, cụ thể hơn là sự hòa hợp giữa nỗi sầu vũ trụ và thế nhân từng chan chứa trong thơ Đường với nỗi cô đơn của cái “tôi” cá nhân, cá thể trong thơ Mới tạo nên nỗi sầu vạn kỉ.

 - Bài thơ *Tràng giang* sáng tác năm 1939, in trong tập *Lửa thiêng* là bài thơ tiêu biểu và nổi tiếng nhất của Huy Cận trước Cách mạng tháng Tám được xếp vào hàng kiệt tác.

 II. Thân bài

 **1. Bức tranh thiên nhiên về trời rộng sông dài trong**[**Tràng giang**](https://doctailieu.com/trang-giang-huy-can-c6320)

 \* Khổ 1: Bức tranh sông nước buồn vắng

 - Câu thơ mở đầu đã mở ra một không gian sóng nước mênh mông:

 *Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp*

 - Trên bức tranh sông nước ấy hiện lên một hình ảnh quen thuộc:

 *Con thuyền xuôi mái nước song song*

 Sự xuất hiện của con thuyền trong thơ văn xưa nay thường chỉ sự lênh đênh trôi dạt. Ở đây ngoài ý nghĩa ước lệ ấy, con thuyền hiện lên giữa sông nước mênh mang còn gợi ra sự bé nhỏ, đơn độc, lẻ loi. Con thuyền ấy lại đang ở trạng thái “xuôi mái”, nghĩa là còn có thêm tính chất thụ động, phó mặc cho dòng nước đẩy đưa…

 - Đến câu thơ thứ ba, nhà thơ tiếp tục những nét vẽ về thuyền và nước nhưng lại đặt trong sự chia lìa: *“Thuyền về nước lại sầu trăm ngả”*

 - Giữa dòng tràng giang cổ điển mang phong vị Đường thi, nhà thơ đã thả xuống một hình ảnh “sống sít” của hiện thực (chữ dùng của Xuân Diệu) ở câu cuối cùng: *Củi một cành khổ lạc mấy dòng.* Hình ảnh cành củi khô nhỏ bé được tác giả đặt vào một thế tương phản mạnh mẽ, lạc giữa mấy dòng nước mênh mang vô tận đã càng nhấn mạnh sự vô định, lạc lõng, bơ vơ hết sức tội nghiệp.

 \* Khổ 2: Bức tranh cồn bãi hoang vắng

 - Trên nền không gian dòng sông dài rộng không cùng và cổ kính lâu đời, nổi bật lên hình ảnh của cồn bãi: *Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu*

 + Từ láy *“lơ thơ”* được đảo lên đầu câu nhấn mạnh sự thưa thớt, khiến cồn cát vốn đã nhỏ càng trở nên trống trải giữa mênh mang sông nước.

 + Từ láy “*đìu hiu”* gợi ra hình ảnh của ngọn gió lạnh vắng, hiu hắt.

 - Nhà thơ không chỉ cảm nhận *Tràng giang* bằng thị giác mà còn cảm nhận bằng thính giác: *Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều*

 + Âm thanh của tiếng chợ chiều dù là dấu hiệu của sự sống con người nhưng lại vào lúc đã vãn, gợi ra sự tàn tạ, chứa chất nỗi buồn.

 + Âm thanh ấy lại vẳng đến từ một không gian rất xa, càng trở nên nhỏ nhoi và buồn vắng, gọi cảm giác đây là chốn bị bỏ quên trên trái đất này.

 - Đến hai câu thơ cuối, cái nhìn của Huy Cận còn bao quát một phạm vi không gian từ cao đến thấp, từ gần đến xa:

*“Nắng xuống trời lên sâu chót vót*

*Sông dài trời rộng bến cô liêu”*

 - Hai cặp tiểu đối *“nắng xuống – trời lên”, “sông dài – trời rộng”* đã tạo nên một bức tranh không gian ba chiều rất đặc sắc.

 - Xuất thần nhất là cụm từ *“sâu chót vót”.*

 - Giữa không gian vũ trụ mênh mang không cùng, nổi bật lên hình ảnh “*bến cô liêu”* nhỏ bé, lạc lõng đến tội nghiệp.

 **2. Bức tranh tâm trạng trong Tràng giang**

 \* Khổ 1:

 - Ngay từ câu thơ mở đầu, dòng tràng giang hiện lên vừa là một hình ảnh ngoại giới vừa là một hình ảnh tâm giới, mang nặng nỗi niềm của thi nhân *“buồn điệp điệp”. “Buồn điệp điệp” là* nỗi buồn nhẹ nhàng nhưng trùng trùng lớp lớp, triền miên, dai dẳng Nỗi buồn ấy đang trải ra cùng với không gian sông nước mênh mang…

 - Sự xuất hiện của con thuyền phần nào gợi lên nét tâm lí chán trường của tác giả, của tầng lớp thnah niên tiểu tư sản trong hoàn cảnh đất nước…

 - Hình ảnh thuyền nước chia lìa làm cho nỗi buồn trong lòng người tiếp tục lan tỏa rộng thêm và lặn xuống ở chiều sâu “*sầu trăm ngả”.*

 - Hình ảnh cành củi khô phải chăng là một ẩn dụ cho những kiếp người nhỏ bé, bơ vơ giữa sự mênh mông của dòng đời.

 \* Khổ 2:

 - 2 câu đầu là hình ảnh cồn bãi hoàn toàn vắng vẻ, trong cảm giác trống trải, thi nhân đã cố gắng đi tìm dấu hiệu của sự sống con người, của hơi ấm tình người nhưng sự hiện hữu ấy quá nhỏ bé và mờ nhạt nên thi sĩ càng thêm thấm thía sự cô đơn đến cùng cực.

 - 2 câu cuối lại nổi bật hình ảnh của *“bến cô liêu”* bé nhỏ và lạc long giữa sông dài, trời rộng đang mở ra không cùng, đó phải chăng chính là bóng dáng, là nỗi niềm của chính Huy Cận.

 **3. Tổng hợp đánh giá**

 a) Giá trị nội dung:

 Bức tranh thiên nhiên và con người trong *Tràng giang* mênh mông vô biên đầy quạnh hiu, hoang vắng. Từ thiên nhiên ấy đã làm nổi bật hình ảnh cái tôi là một lữ thứ bơ vơ, cô đơn với nỗi buồn vô tận trước trời nước – biểu hiện của nỗi lòng yêu nước thầm kín thiết tha trong hoàn cảnh đất nước mất chủ quyền.

 b) Đặc sắc nghệ thuật: Sự kết hợp hài hòa giữa màu sắc cổ điển và hiện đại.

 III. Kết luận

 - Khẳng định lại giá trị của tác phẩm.

 - Khẳng định lại vị trí tác giả -  là một trong những đỉnh cao thơ Mới.

**Câu 9: Vẻ đẹp cổ điển và hiện đại trong bài thơ *Tràng giang* cuả Huy Cận.**

 MB: Trong những sáng tác của Huy Cận trước Cách mạng, đáng chú ý hơn cả là tập *Lửa thiêng* (1940) – tập thơ đưa tác giả lên thành một trong những cây bút tiêu biểu cho giai đoạn phát triển rực rỡ  nhất của phong trào Thơ mới. Tràng giang được in trong tập *Lửa thiêng* (1940) và là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của HC. Theo tác giả, tứ thơ *Tràng giang* được hình thành vào một buổi chiều mùa thu 1939, khi nhà thơ đứng ờ bờ nam bến Chèm (Hà Nội, nhìn cảnh sông Hồng mênh mông sông nước, bốn bề bao la vắng lặng, nghỉ về kiếp người trôi nổi.Bài thơ mang vẻ đẹp vừa cổ điển vừa hiện đại.

 TB: Mới đọc có  khi nhầm *Tràng giang* là một bài thơ thuần túy tả cảnh thiên nhiên nhưng nghiền ngẫm cho kỹ mới thấy điều tác giả muốnn nói đến trong bài thơ này tuyệt nhiên không phải là cái hữu hình, nhất thời; mà là cái vô hình, cái vĩnh viễn. Đúng như Hoài Thanh đã khẳng định*: “Huy Cận có lẽ đã sống một cuộc đời rất binh thường, nhưng Người luôn luôn lắng nghe mình sống để ghi lấy cái nhịp nhàng lặng lẽ của thế giới bên trong”‘cái thế giới bên trong”,* cái linh hồn của vật trong bài *Tràng giang* là nỗi buồn xa vắng mênh mông. Dòng sông và con người; không gian bao la và tâm trạng cụ thể; đó là một tứ thơ cổ điển:

*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,*

*Con thuyền xuôi mái nước song song,*

Bài thơ có tựa đề *“Tràng giang”,* câu thơ đầu tiên lại nhắc lại tựa đề. *Tràng giang* chứ không phải Trường giang; mặc dù Trường giang và Tràng giang đều có cùng một ngữ nghĩa. Cách điệp vần *ang,* Tràng giang góp phần tạo nên dư âm vang xa, trầm lắng của câu thơ mở đầu, tạo nên âm hưởng chung cho toàn bộ giọng điệu của cả bài thơ. Mặt khác, ’Tràng giang” còn gợi lên được hình ảnh một con sông dài và rộng, vừa là trường giang, vừa là đại giang. Phải chăng, đấy là sông Hồng, hoặc sông Cửu Long, bền bỉ muôn đời, đã từng chứng kiến bao thăng trầm của lịch sử? Và suy cho cùng, sức mạnh của hai câu thơ trên không phải là nghệ thuật miêu tả, mà ở nghệ thuật khêu gợi; khêu gợi được cả xúc cảm và ấn tượng về một nỗi buồn triền miên kéo dài theo không gian (tràng giang), và theo thời gian (điệp điệp).

 Huy Cận cũng như phần đông các thi sĩ trong phong trào Thơ mới đều chịu ảnh hưởng khá rõ của thơ tượng trưng phương Tây thế kỷ XIX.  Tuy vậy, Huy Cận còn là người rất thích thơ Đường và trân trọng vốn thơ ca dân tộc. Ngay từ tuổi thiếu niên, tác giả đã thuộc lòng khá nhiều ca dao, thơ của Nguyễn Du, Đỗ Phủ, Thôi Hiệu… Trong sáng tác của ông, người đọc ít nhiều cảm nhận được dấu ấn của Đường thi, cũng như thơ tượng trưng Pháp. Có điều đáng quý là chúng đã được Việt hóa, đi cho đúng hơn là đã được Huy Cận hóa.

 Ở  khổ thơ đầu, cũng như toàn bộ bài *Tràng giang,* nghệ thuật đối của thơ Đường đã được vận dụng hết sức linh hoạt, chủ yếu đổi về ý, chứ không bị câu thúc vé niêm, luật như cách đối trong thơ cổ. Chẳng hạn *“Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp”*, có thể coi là đối với “*Con thuyền xuôi mái nưóc song song”;* *“Nắng xuống, trời lên sâu chót vót”,* đối với: *“Sông dài, trời rộng, bến cô liêu”.* Hoặc, ở một cấp độ khác*: “Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng; – Mênh mông không một chuỵến đò ngang”* lại cũng có thể đối với *“Không cầu gợi chút niềm thân mật, – Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng”…*

 Nghệ thuật đối ý (và đối xứng) nối trên, một mặt, làm cho giọng điệu của bài thơ uyển chuyển, linh hoạt, (tránh được sự khuôn sáo, cứng nhắc dễ thấy đối với một số bài thơ Đường luật hổi đầu thế kỷ); mặt khác, vẫn phát huy được một trong những thế mạnh của loại thơ này, tạo nên không khí trang trọng cổ điển. Bên cạnh đố, nghệ thuật dùng từ láy như “*điệp điệp”, “song song”* củng có hiệu quả nhất định gợi âm hưởng cổ kính.

 Nhưng Tràng giang vẫn là một bài thơ hiện đại. Trước hết, hiện đại ở hình ảnh, ở thi liệu, ở cảm xúc:

*Thuyền về nước lại sầu trăm ngả;*

*Củi một cành khô lạc mấy dòng.*

 Vào những năm 30, đây là những câu thơ mới mẻ; bởi trong đó xuất hiện cái tầm thường nhỏ nhoi, vô nghĩa như “củi một cành khô”. Thơ xưa chủ yếu là địa hạt dành riêng cho những “tao nhân mặc khách”; hầu như thiếu vắng cái hiện thực khô ráp của đời thường. Đến thời Thơ Mới, những nội dung mới xuất hiện, góp phần tạo nên “cuộc cách mạng trong thơ (Hoài Thanh). Hình ảnh một cành củi khô đơn lẻ trôi bồng bềnh, trên dòng sông mênh mông sóng nước gợi lêft nỗi buồn vể kiêp người nhỏ bé, vô định.

 Đến khổ thơ thứ hai, nỗi buồn càng như thấm sâu vào cảnh vật:

*Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu*

 *Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều,*

*Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;*

 *Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.*

 Theo Huy Cận, từ “đìu hiu” ông học được trong bản dịch *Chinh phụ ngâm: “Non Kỳ quạnh quẽ trăng treo – Bến Phì gió thổi đìu hiu mấy gò”.* Cặp từ láy “*lơ thơ”* và *“đìu hiu”* gợi lên được sự buồn bã,  quạnh vắng, cô đơn… Chợ chiều thường buồn tẻ, không cò được cái nhộn nhịp, hào hứng của chợ sáng, chợ trưa. Đoàn Văn Cừ đã đặc tả thành công nét buồn này bằng những câu kết của bài thơ *Chợ Tết* nổi tiếng*: “Ánh dương vàng trên cỏ kéo lê thê – Lá đa rụng tơi bời quanh quán chợ.* Trong *Tràng giang*, tiếng chợ chiều đã vãn từ một làng xa nào vắng lại đã gợi một không khi buồn vắng, cô tịch:

*Nắng xuống trời lên sâu chót vót;*

*Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.*

 Đây là mấy câu thơ có giá trị tạo hình. Không gian được mở rộng, và đẩy cao thêm. *“Sâu”* gợi lên ở người đọc ấn tượng thăm thẳm, hun hút khôn cùng. *“Chót vót”* gợi tả chiều cao vô tận. Càng rộng, càng sâu, càng cao, thì cảnh vật càng thêm vắng lặng, chỉ có sông dài, với bến bờ lẻ loi xa vắng (*cô liêu).* Nỗi buồn tựa hồ thấm vào không gian ba chiều. Con người trở nên bé bỏng, có phần rợn ngợp trước vũ  trụ vĩnh hằng, rộng lớn không khỏi thấy *‘lạc loài giữa cái mênh mông của đất trời, cuả xa vắng của thời gian” (Hoài Thanh)*

Ấn tượng nói trên lại được tô đậm thêm ở khổ thơ tiếp theo:

*Bèo dạt về đâu hàng nối hàng*

*Mênh mông không một chuyến đò ngang*

*Không cầu gợi chút niềm thân mật,*

*Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.*

 Vẫn trong mạch cảm xúc ở hai khổ đầu, nỗi buồn càng được khắc sâu qua hình ảnh những cánh bèo trôi dạt lênh đênh. Bên cạnh những hình ảnh thuyền và nước như cùng trôi về cõi vô biên, hình ảnh cành củi khô bập bềnh trên sông nước ở khổ một, đến khổ thơ này, ấn tượng vé sự chia ly tán, tan tác được lầy lai một lân nữa, càng gợi thêm một nỗi buồn mênh mông. Toàn cảnh sông dài, trời rộng tuyệt nhiên không có bóng con người ; *“không một chuyến đò”*, đồng thời cũng không có lấy một cây cầu – nhờ chúng có thể tạo nên sự gần gũi giữa con người với con người; mà chỉ có thiên nhiên (bờ xanh) nối tiếp với thiên nhiên (bãi vàng) xa vắng, hoang sơ.

Như vậy, sự cô quạnh đã được thi sĩ đặc tả độc đáo bằng chính cái không tốn lại. Thực ra, điều này còn eo thể nhận thấy ở khổ bốn “Không khói hoàng hôn.”‘ nhưng rõ nhất vẫn là ở khổ ba. Bởi vậy, cóthể nổi, thái độ phủ định thực tại của tác gỉả nằm ngay ở trong kết cấu của bài thơ.

 Khổ kết bài thơ mượn một số cách diễn đạt của thơ Đường,mà vẫn  giữ được nét riêng biệt của Thơ mới, và vẫn thể hiện nét độc đáo của hồn thơ Huy Cận:

*Lớp lớp mây cao đùn núi bạc*

*Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa,*

*Lòng quê dợn dợn vời con nưóc,*

*Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.*

 Thiên nhiên buồn, nhưng cũng thật tráng lệ. Mùa thu, những đám mây trắng đùn lên trùng điệp ở phía chân trời. Ánh dương phản chiếu trông lấp lánh như những núi bạc. Nét đặc trưng này của mùa thu đã được Đỗ Phủ mô tả trong bài *Thu hứng “Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng – Tái thượng phong vân tiếp địa âm”,* Nguyễn Công Trứ đã dịch một cách tài hoa: “*Lưng trời sóng gợn lòng sông thẳm – Mặt đất mây đùn cửa ải xa”.* Lấy lại ý thơ của người xưa, hình ảnh *“mây cao đùn núi bạc”* tạo được ấn tượng về sự hùng vĩ của thiên nhiên. Trước cảnh sông nước mây trời bao la và hùng vĩ ấy, bỗng hiện lên một cánh chim bé bỏng, nó chỉ cần nghiêng cánh là cả bóng chiều sa xuống. Hình ảnh cánh chim đơn lẻ, trong một buổi chiều tà cũng dễ gợi lên một nỗi buồn xa vắng. (*Chim hôm thoi thót về rừng – Đóa trà mi đã ngậm trăng nửa vành. Truyện Kiều* – Nguyễn Du). Nhưng điều đáng nói hơn ở đây chính là hiệu quả của nghệ thuật đối lập; đối lập giữa cánh chim nhỏ bé với vũ trụ bao la, hùng vĩ.  Phải chăng, điều này đã làm cho cảnh thiên nhiên rộng hơn, thoáng hơn, hùng vĩ hơn và đặc biệt cũng buồn hơn?

 Như vậy, đi suốt bài thơ là một nỗi buồn triền miên, vô tận. Nỗi buồn ở bài thơ này cũng như phẩn nhiễu nỗi buổn của các nhà Thơ mới, trước hết, chính là nỗi buồn của cả thế hệ, của cả dân tộc, trong những năm ngột ngạt, dưới thời thuộc Pháp. Vả chăng, có lẽ nỗi buồn nói trên còn xuất phát từ chính quan niệm mĩ học của các nhà thơ lãng mạn đương thời. Theo họ, cái đẹp thường đi sóng đôi với cái buồn. Bôđơle, người được Rembô mệnh danh là “hoàng đế của các nhà thơ”, đã từng có câu thơ nổi tiếng: *“Em cứ đẹp, và em mãi buồn”*. Vả chăng, cái buồn của Huy Cận ở bài thơ này, trước sau, vẫn là cái buồn trong sáng, góp phần làm phong phú thêm tâm hồn của bạn đọc; nó cũng như *“cái buồn đã làm nên sức hấp dần mê hồn của thơ ca dân gian Nga”,* như Biêlinxki đã nhận xét.

 Bài thơ cổ ý vị cổ điển, tạo nên được những vang hưởng kỳ lạ do tác giả đã chọn được thể thơ thích hợp (gần với thể cổ phong), vận dụng tự nhiên lối đối, sử dụng có hiệu quả, với tần số cao, hệ thống từ láy (10 lần trong 16 dòng thơ), và cách ngắt nhịp truyền thống… Chất cổ điển đặc biệt rõ ở câu kết. Thôi Hiệu nhìn khói sống nhớ đến quê hương *Nhật mộ hương quan hà xứ thị? – Yên ba giang thượng sử nhân sầu” – Hoàng Hạc lâu*. Tản Đà dịch: *“Quê hương khuất bóng hoàng hôn – Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai?”,* Huy Cận không cần có khói sóng – không cần có cái gợi nhớ – mà lòng vẫn *dợn dợn* nhớ nhà. Rõ ràng, nỗi nhớ của Huy Cận da diết hơn, thường trực hơn và cháy bỏng hơn; do đó, hiện đại hơn!

 KB: Cổ kính, trang nghiêm, *Tràng giang* còn là một bài thơ rất Việt Nam. Dòng sông sóng gợn, con thuyền xuôi mái chèo, cành củi khô bồng bềnh, cánh bèo lênh đênh, chợ chiều của làng quê, cánh chim trong buổi chiều tà… thật gần gũi với người Việt Nam chúng ta. Đọc bài thơ này, nhiều người nhớ đến cái làng sơn cước heo hút bên bờ sông Thâm, cạnh núi Mồng gà, thuộc đất Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, nơi chôn rau cắt rốn của nhà thơ. Suy cho cùng, *“Tràng giang là một bài thơ ca ngợi non sông đất nước, do đó dọn đường cho lòng yêu giang sơn tổ quốc”* (Xuân Diệu).

 **Câu 10: Cảm hứng vũ trụ và nỗi sầu nhân thế trong bài thơ *Tràng giang* của Huy Cận.**

 **1.   Mở bài**

 -     Giới thiệu về thơ Huy Cận trước Cách mạng.

 -     Nêu vấn đề: Một trong những đặc điểm nổi bật của thơ Huy Cận trước Cách mạng là cảm hứng thiên nhiên vũ trụ và nỗi sầu nhân thế. Hai đặc điểm này được thể hiện một cách đặc sắc trong bài thơ *Tràng giang.*

 **2.   Thân bài**

 -     Cảm hứng vũ trụ: cảm hứng vũ trụ được mở ra ngay từ nhan đề và câu thơ đề từ *"Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài".* Dễ nhận thấy trong Tràng giang là một thiên nhiên cổ kính, hoang sơ mở ra đến vô tận theo khắp các chiều không gian: *"Nắng xuống, trời lên sâu chót vót - Sông dài, trời rộng, bến cô liêu".* Ở đó vừa có những hình ảnh bao la, hùng vĩ với *"mây cao đùn núi bạc", "bóng chiều sa"* lại vừa có những hình ảnh nhỏ bé, lẻ loi, bơ vơ trước tạo vật vô cùng hoặc mất hút giữa thiên nhiên vô tận "*lơ thơ cồn nhỏ", "bèo dạt về đâu", "chim nghiêng cánh nhỏ", "củi một cành khô",...* Vũ trụ trong Tràng giang không chỉ mở ra theo chiều kích không gian mà còn in đậm dấu ấn thời gian - một dòng tràng giang như chảy về từ quá khứ, một cảnh sắc thiên nhiên hoang dại như gợi nhắc về một thời tiền sử với *"Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng - Mênh mông không một chuyến đò ngang - Không cầu gợi chút niềm thân mật - Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng"*, trống vắng đến vô cùng.

 -     Nỗi sầu nhân thế: Bài thơ bộc lộ nỗi buồn, sự cô đơn của những thân kiếp nhỏ nhoi giữa dòng đời, trước cái mênh mông của không gian vũ trụ. Nỗi niềm ấy gửi vào hình ảnh cành củi khô, cánh bèo, bến cô liêu, cánh chim chiều bé nhỏ,... giữa mênh mang trời đất. Ẩn sâu trong nỗi bơ vơ của một thân phận trước trời nước mênh mông, hiu quạnh có tâm trạng bơ vơ của một người dân vong quốc và niềm thiết tha đối với thiên nhiên tạo vật cũng là niềm thiết tha với giang sơn, Tổ quốc. Đó cũng là tâm trạng chung của cả một thế hệ trí thức, văn nghệ sĩ thời bấy giờ.

 **3.   Kết bài**

 -     Đánh giá chung: cảm hứng vũ trụ và nỗi sầu nhân thế tạo nên một dấu ấn riêng độc đáo của thơ Huy Cận trước Cách mạng, thể hiện qua những sáng tạo nghệ thuật vừa gợi về âm vang của Đường thi, lại vừa gửi gắm những tâm tư của một thế hệ mới trong một thời đại mới.

 -     Cảm nhận, ấn tượng riêng của cá nhân.

**Gợi ý đáp án bài Chiều tối**

**1.** D

**2.** C

**3**. B

**4.** – Tác giả tả cảnh chiều tối bằng 2 hình ảnh :

+ cánh chim chiều mỏi mệt đang bay về tổ.

+ chòm mây cô đơn , lẻ loi trôi chầm chậm trên bầu trời.

 - Nhận xét :

+ đây đều là những hình ảnh quen thuộc, thường thấy trong thơ ca truyền thống nói về buổi chiều.

+ Bác đã có những sáng tạo riêng :

. cánh chim trong thơ Bác được cảm nhận rất sâu ở trạng thái bên trong ( *chim mỏi*) và có chốn về rõ ràng ( *tầm túc thụ*)

. chòm mây trong thơ Bác cô đơn, lẻ loi , chầm chậm , lững thững trôi ngang bầu trời gợi sự yên ả, thanh bình của buổi chiều nơi núi rừng.

. 2 hình ảnh mang tâm trạng của người tù nơi đất khách .

**5.** – Hình ảnh con người được khắc họa trong 2 câu thơ sau của bài thơ là cô thiếu nữ xay ngô nơi xóm núi.

- Đó là con người lao động trẻ trung, khỏe mạnh, đầy sức sống, đang hăng say trong công việc của mình.

- Hình ảnh này trở thành trung tâm của bức tranh đời sống được miêu tả trong 2 câu thơ sau của bài thơ, đẩy lùi cái âm u, heo hút của núi rừng, đem lại cho người đi đường lúc chiều hôm chút ít hơi ấm của sự sống, niềm vui, xua tan mệt mỏi.

**6**. – Biện pháp tu từ : điệp vòng “ ma bao túc – bao túc ma”

 - Hiệu quả :

+ diễn tả vòng quay liên tục của cối xay ngô.

+ khắc họa hình ảnh cô em xóm núi xay ngô vất vả, khỏe khoắn, hăng say lao động.

+ sự chuyển dịch của thời gian, không gian.

**7**. – Viết đúng đoạn văn từ 5- 7 câu .

 - Nội dung : Chữ *hồng* là nhãn tự của bài thơ :

+ nhãn tự : con mắt thơ 🡪 ý nghĩa của bài thơ.

+ chữ hồng :

. sự vận động của thời gian từ chiều 🡪 tối.

. sáng lên khuôn mặt của cô gái xay ngô.

. bức tranh chiều tối trở nên ấm áp.

. sự vận động của hình tượng thơ từ bóng tối ra ánh sáng.

**8.** Chân dung người chiến sĩ cách mạng trong *Chiều tối :*

- Nhạy cảm với thiên nhiên , cuộc sống con người.

- Tâm hồn lạc quan , vượt lên hoàn cảnh, luôn hướng về tương lai tươi sáng.

- Yêu thương con người.

- Hồn thơ phong phú.

( HS tìm dẫn chứng và phân tích dẫn chứng để chứng minh)

**9.** a, Giới thiệu tác giả, tác phẩm và nêu vấn đề cần nghị luận.

b, Phân tích :

\* Màu sắc cổ điển :

- Khái niệm.

- Phân tích biểu hiện :

+ Ngôn ngữ ( chữ Hán) và thể thơ ( thất ngôn tứ tuyệt).

+ Đề tài: thiên nhiên.

+ Thi liệu ( hình ảnh thơ) : cánh chim, chòm mây, nhãn tự “ hồng”.

+ Bút pháp: chấm phá, tả cảnh ngụ tình.

+ Nhân vật trữ tình : nhạy cảm với vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống...

\* Tinh thần hiện đại :

- Khái niệm.

- Phân tích biểu hiện :

+ Con người lao động là trung tâm của bức tranh.

+ Tứ thơ, hình tượng thơ có sự vận động hướng về ánh sáng, sự sống và tương lai.

+ Phong thái của người chiến sĩ hướng về sự sống và con người.

c. Nhận xét.

- Đây là vẻ đẹp riêng, đặc sắc của bài thơ nói riêng và thơ nghệ thuật Hồ Chí Minh nói chung.

- 2 vẻ đẹp đó kết hợp hài hòa, tự nhiên, trong chất thép có chất thơ, hình ảnh nghệ sĩ lồng trong hình ảnh chiến sĩ.

**10.** a, Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.

b, Giải thích ý kiến.

- Thép : chất chiến đấu, tinh thần của người chiến sĩ cách mạng. Thơ có thép là thơ kết tinh ý chí của con người vươn lên làm chủ bản thân, làm chủ hoàn cảnh; khẳng định sự chiến thắng của con người trước những trở ngại của thiên nhiên , xã hội.

- Ý kiến đã đề cập đến một biểu hiện rất quan trọng trong quan điểm nghệ thuật của HCM : thơ như một thứ vũ khí chiến đấu. Và thứ vũ khí đó được biểu hiện trong thơ Người dưới nhiều hình thái khác nhau.

c. Phân tích chất thép ở bài thơ *Chiều tối* .

- Vượt lên hoàn cảnh bị chuyển lao, Người mở rộng tâm hồn để giao hòa, giao cảm với thiên nhiên, cuộc sống của con ngời.

- Tâm hồn lạc quan hướng về phía tương lai, ánh sáng.

- Phong thái của con người tự do, tự tại.

- Cách nói gián tiếp.

d. Bình luận.

- Câu nói đúng, hay, thể hiện sự am hiểu sâu sắc của Hoài Thanh về thơ HCM.

- Giúp người đọc hiểu sâu hơn thơ Bác.

.....

**Gợi ý trả lời bài Từ ấy của Tố Hữu**

I. Trắc nghiệm

Câu 1: D

Câu 2: A

Câu 3: C

II. Tự luận

Câu 1: Mở đầu bài thơ tác giả đã sử dụng những hình ảnh ẩn dụ giàu sức biểu đạt

-Hình ảnh “nắng hạ”: Ánh nắng rực rỡ, chói chang, mạnh mẽ ẩn dụ cho ánh sang của lí tưởng cách mạng soi chiếu làm bừng sang tâm hồn nhà thơ.

-Hình ảnh “mặt trời chân lí”: Mặt trời tỏa ánh sang, hơi ấm đem đến sức sống cho muôn loài. Chân lí là những gì đúng đắn nhất được mọi người thừa nhận-> lí tưởng của Đảng như một nguồn ánh sang vĩ đại đem tới nguồn sống mới, chiếu sang tâm hồn nhà thơ.

->Vai trò lớn lao, kỳ diệu đến vô cùng của lí tưởng.

Câu 2 :

 - Nhà thơ đã sử dụng hình ảnh so sánh: Hồn tôi là một vườn hoa lá…

+Diễn tả niềm vui sướng, say mê khi đón nhận lí tưởng của Đảng giống như cỏ cây hoa lá đón ánh sang mặt trời.

+Tâm hồn nhà thơ giống như một khu vườn xuân tràn đầy sức sống, sắc hương…

-Từ ngữ có sức diễn tả mạnh : rất đậm hương, rộn tiếng chim.

->Niềm vui sướng vô hạn của nhà thơ khi đến với lí tưởng .

Câu 3:

-Nhận thức mới về lẽ sống

+Lẽ sống gắn bó giữa cái tôi cá nhân với cái ta chung, lẽ sống của người trí thức tiểu tư sản đã tự nguyện giao hòa với quần chúng nhân dân, đất nước.

+Đồng cảm, yêu thương những con người cùng khổ bằng tình cảm chân thành nhất.

+Thoát khỏi cái tôi cô đơn, bế tắc ,gắn bó với giai cấp cần lao tìm niềm vui sức mạnh trong khối đại đoàn kết dân tộc.

->Sự chuyển biến trong tư tưởng: Từ bỏ cái tôi cá nhân của giai cấp tiếu tư sản để hòa nhập vào cái ta chung của nhân .

-Chuyển biến trong tình cảm: Lí tưởng cộng sản giúp nhà thơ vượt qua tình cảm ích kỉ, hẹp hòi của giai cấp tiểu tư sản để có được tình hữu ái giai cấp với quần chúng lao khổ. Hơn thế còn là tình than yêu ruột thịt.

Câu 4:

-Ngôn ngữ : giàu tính dân tộc, giàu nhạc điệu…

-Giọng điệu : chân tình,sôi nổi, nồng nhiệt…

-Hình ảnh : tươi sang, giàu sức gợi…

Câu 5 : Học sinh lựa chọn khổ thơ mà mình yêu thích và viết đoạn văn . Học sinh có thể nhờ giáo viên giảng dạy sữa chữa, chỉ ra những ưu, khuyết điểm của bài viết.